

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ - ST

Ngày 30/11/2020

“V/v ly hôn giữa chị L
và anh N”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Đức Lâm

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXX- HNGĐ ngày 03/11/2020, giữa các đương sự:

N đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Trung Bạ, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Hương Câu, xã Hương Lâm, Hiệp Hòa, Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 28/7/2020, Bản tự khai ngày 05/8/2020, N đơn là chị Đỗ Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau tháng ngày 20/10/2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa. Sau ngày cưới anh chị đoàn tụ ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2011 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh N thường xuyên đánh đập chị. Năm 2013, do làm ăn thua lỗ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Đến năm 2017, chị không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên đã về nhà mẹ đẻ và chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh N. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh N.

Tại Bản tự khai ngày 01/9/2020 và Biên bản làm việc ngày 04/11/2020, bị đơn là anh Nguyễn Văn N thừa nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị L đã nêu. Anh trình bày, quá trình chung sống, vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên, do chị L ham lô đề làm thất thoát số tiền lớn, lại thường xuyên lấy tiền của anh rồi bỏ nhà đi, tiêu hết tiền mới về. Thời gian gần đây, chị L tiếp tục bỏ đi, anh có gọi nhưng chị L không về nữa, vợ chồng ly thân từ tháng 8/2020. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: cả hai anh chị đều trình bày, vợ chồng anh chị có 3 con chung là: Nguyễn Đức Toàn, sinh ngày 07/11/2010; Nguyễn Đỗ Thủy Tiên, sinh ngày 24/11/2012 và Nguyễn Văn Quân, sinh ngày 12/9/2017. Khi ly hôn, chị L yêu cầu nuôi con nhỏ là Nguyễn Văn Quân. Anh N yêu cầu được nuôi cả 3 con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Cả hai anh chị đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tại văn bản ghi ngày 12/11/2020, anh Nguyễn Văn N kê khai vợ chồng có 14 khoản nợ chung của các cá nhân ở tại xã Hương Lâm và xã Xuân Cẩm nhưng không đưa ra yêu cầu cụ thể.

Tại phiên tòa, N đơn là chị Đỗ Thị L và bị đơn là anh Nguyễn Văn N đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên Tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. N đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn N được nuôi 2 con chung là Nguyễn Đức Toàn, sinh ngày 07/11/2010 và Nguyễn Đỗ Thủy Tiên, sinh ngày 24/11/2012. Giao cho chị Đỗ Thị L được nuôi con chung là Nguyễn Văn Quân, sinh ngày 12/9/2017. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Đỗ Thủy Tiên cho anh N hàng tháng 1.000.000đ kể từ tháng 12/2020 đến khi con chung Nguyễn Đỗ Thủy Tiên 18 tuổi.

- Án phí: Chị L phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Mặc dù N đơn là chị Đỗ Thị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là anh Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên cần áp dụng khoản 2 điều 227, Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau tháng 10/2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, mặc dù anh chị có thời gian dài chung sống và đã có 3 con chung nhưng cuộc sống vợ chồng thường xảy xô sát, bất đồng do làm ăn thua lỗ, không tin tưởng nhau. Đến năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng, chị L về nhà mẹ đẻ và chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh N. Nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L cương quyết xin ly hôn, anh N ban đầu có nguyện vọng đoàn tụ nhưng sau đó cũng đồng ý ly hôn, thậm chí không đến tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa, chứng tỏ anh N cũng không thiết tha về đoàn tụ. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Anh chị có 3 con chung là Nguyễn Đức Toàn, sinh ngày 07/11/2010; Nguyễn Đỗ Thủy Tiên, sinh ngày 24/11/2012 và Nguyễn Văn Quân, sinh ngày 12/9/2017. Hiện nay anh N đang nuôi 2 con chung là Nguyễn Đức Toàn và Nguyễn Đỗ Thủy Tiên, còn chị L đang nuôi con Nguyễn Văn Quân. Căn cứ vào điều kiện, nhu cầu của đôi bên và việc nuôi dưỡng con chung hiện tại, cần tiếp tục duy trì sự ổn định, giao cho anh N nuôi 2 con chung là cháu Toàn và cháu Tiên, giao cho chị L nuôi con chung là cháu Quân.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy anh N được giao nuôi 2 con chung, còn chị L được giao 1 con chung nên việc anh N yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật, cần buộc chị L hàng tháng phải cấp dưỡng nuôi con cho anh N (cấp dưỡng nuôi cháu Tiên) số tiền là 1.000.000đ kể từ tháng 12/2020 đến khi cháu Tiên 18 tuổi.

[3]. Về tài sản: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về nghĩa vụ tài sản (nợ chung): Quá trình làm việc ban đầu, cả hai anh chị đều không nêu về các khoản nợ chung. Tuy nhiên, sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh N có đơn trình bày và cung cấp cho Tòa án về việc vợ chồng có nhiều khoản nợ chung nhưng không đưa ra yêu cầu cụ thể. Mặt khác, anh N vắng mặt tại các buổi làm việc tiếp theo, cũng không đến tham phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, giải quyết về số nợ mà anh N đưa ra. Theo quy định tại Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau khi ly hôn, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về nợ chung của vợ chồng anh chị trong vụ án này. Nếu sau khi anh chị ly hôn có phát sinh tranh chấp về nghĩa vụ tài sản (nợ chung) thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí: Chị L không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên chị L phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp

luật. Số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí được khấu trừ vào số tiền án phí chị L phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18, 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2/ Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị L được nuôi con chung là Nguyễn Văn Quân, sinh ngày 12/9/2017; Giao cho anh Nguyễn Văn N được nuôi hai con chung là Nguyễn Đức Toàn, sinh ngày 07/11/2010 và Nguyễn Đỗ Thủy Tiên, sinh ngày 24/11/2012.

Chị Đỗ Thị L phải cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Đỗ Thủy Tiên hàng tháng cho anh N số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 12/2020 đến khi con chung Nguyễn Đỗ Thủy Tiên 18 tuổi.

3/ Án phí: Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ. Số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0003922 ngày 05/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa được khấu trừ vào tiền án phí chị L phải nộp, chị L còn phải nộp tiếp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm.

Báo cho đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hoà
- Chi cục THA DS Hiệp Hoà
- UBND xã Hương Lâm, Hiệp Hoà
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà